

Số: 68 /2001/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 27 tháng 11 năm 2001

**quyết định của UBND tỉnh cần thơ
V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
đến năm 2010 của huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ**

Ủy ban nhân dân tỉnh cần thơ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định 62/2000/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cần Thơ từ nay đến năm 2010 (điều chỉnh);

Xét Công văn số 447/UB ngày 12/10/2001 của UBND huyện Long Mỹ và Công văn số 587/KHĐT ngày 15/10/2001 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Long Mỹ thời kỳ đến năm 2010,

quyết định:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 của huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ, với những nội dung chủ yếu sau:

II- Phương hướng phát triển, nhiệm vụ chủ yếu và mục tiêu cơ bản:

1- Phương hướng phát triển:

Phát triển kinh tế toàn diện và bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, đưa Long Mỹ vươn lên xấp xỉ mức trung bình của tỉnh. Tăng cường phát huy nội lực, xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp- nông thôn trên cơ sở khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng sẵn có của địa phương, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh; tranh thủ vốn đầu tư bên ngoài, nhanh chóng tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh, tiếp thu công nghệ mới, "đi tắt, đón đầu" trong một số lĩnh vực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, giữa nông nghiệp với phát triển nông thôn, giữa công nghiệp với phát triển đô thị, giữa phát triển ổn định nông thôn với đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa nhằm giải quyết việc làm, nâng cao mức sống và dân trí, phát triển văn hóa, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi xã hội, xóa dần đi đến loại trừ các tệ nạn xã hội; tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo của các cấp chính quyền; phát động toàn dân trên địa bàn giữ gìn kỷ cương luật pháp và truyền thống văn hóa dân tộc.

2- Nhiệm vụ chủ yếu:

- Triển khai thực hiện có kết quả các chương trình và các đề án của tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu, đặc biệt trong thời kỳ 2001-2005.

- Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng tốt các thành tựu khoa học công nghệ, đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp; nâng cấp, đầu tư mới cơ sở chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch; tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, cơ sở thương mại, dịch vụ, du lịch tạo sự chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, điện khí hóa nông thôn, cơ sở hạ tầng các cụm kinh tế - xã hội, các cụm, tuyến dân cư; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân về các mặt y tế, giáo dục - đào tạo nghề, văn hóa, thể dục - thể thao, tiến tới loại trừ các tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới đáp ứng theo 10 tiêu chí của tỉnh.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý kinh tế- xã hội của các cấp chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế - xã hội.

3- Mục tiêu phát triển và các khâu đột phá:

a) Mục tiêu phát triển:

** Chỉ tiêu kinh tế:*

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 11-12%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 10-11%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 12-13%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng các khu vực kinh tế:

+ Khu vực I tăng bình quân 6-7%/năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 6-7%/năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 5-6%/ năm.

+ Khu vực II tăng bình quân 24-25%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 23-24%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 25-26%/ năm.

+ Khu vực III tăng bình quân 15-16%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 14-15%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 16-17%/ năm.

- Thu nhập bình quân đầu người 5,868 triệu đồng/người (năm 2005) và 10,080 triệu đồng/người (năm 2010). Quy USD (theo tỷ giá ngân hàng ngoại thương năm 2000) 420 USD (năm 2005) và 720 USD (năm 2010).

- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp, trong đó:

+ Khu vực I: 61,4% (năm 2005) và 43,60% (năm 2010);

+ Khu vực II: 14,4% (năm 2005) và 25,60% (năm 2010);

+ Khu vực III: 24,20% (năm 2005) và 30,80% (năm 2010).

- Tham gia xuất khẩu trực tiếp, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 5-10 triệu USD năm 2005 và trên 30 triệu USD vào năm 2010.

- Tổng vốn đầu tư 10 năm (2001-2010) khoảng 1.500 tỷ, trong đó 5 năm (2001-2005) là 600 tỷ và 2006-2010 là 900 tỷ.

** Các chỉ tiêu xã hội:*

- Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc để đạt mức sinh thay thế chậm nhất vào năm 2005. Thực hiện mức giảm sinh bình quân 0,05-0,06%/năm thời kỳ 2001-2005 và 0,03-0,04%/năm thời kỳ 2006-2010. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1% vào năm 2005 và 0,85% vào năm 2010.

- Trong 10 năm (2001-2010), tạo thêm khoảng 10.000-15.000 việc làm cho người lao động (bình quân 1.000-1.500 lao động/năm). Giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp ở đô thị và thiếu việc làm ở nông thôn từ khoảng 11,88% năm 2000 xuống còn 7-7,5% năm 2005 và 4- 4,5% năm 2010.

- Cơ cấu lao động đến năm 2005 tỷ trọng lao động: khu vực I: 87%, khu vực II: 5%, khu vực III: 8%. Đến năm 2010, tỷ trọng lao động khu vực I: 65%, khu vực II: 13%, khu vực III: 22%.

- Không để tình trạng tái đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 8-9% năm 2005 và còn dưới 4% vào năm 2010. Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt từ 50-60% trở lên, hạ tỷ lệ nhà cây lá tạm bợ xuống còn dưới 40% (vào năm 2005). Đến năm 2010, phần đầu hạ tỷ lệ nhà tạm bợ xuống còn dưới 10%.

- Giảm đến mức thấp nhất và kiểm chế được số người mắc các bệnh nguy hiểm. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 20% năm 2005 và dưới 10% năm 2010.

- Triển khai diện rộng phổ cập giáo dục trung học cơ sở để đến năm 2007 đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn toàn huyện; trong đó đến năm 2005, các thị trấn, thị tứ và từ 50-60% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến năm 2010, xây dựng 100% điểm trường thoáng, xanh, sạch, đẹp; trong đó có 30% số trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 14-15% năm 2005 và tăng lên 20-25% năm 2010.

- Xây dựng và công nhận 5-6 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa, 85% số hộ gia đình văn hóa vào năm 2005, tiến tới được công nhận huyện văn hóa trong thời kỳ 2006-2010. Tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, phục chế căn cứ cách mạng nhằm giáo dục truyền thống và thu hút khách du lịch.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, đến năm 2005 có 15% dân số tham gia luyện tập thường xuyên, nâng lên 20-25% dân số tham gia luyện tập thường xuyên vào năm 2010.

** Về quốc phòng - an ninh:*

Giữ vững ổn định an ninh chính trị. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang, phong trào quần chúng, tổ tự quản, lực lượng dân quân tự vệ, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, giảm đến mức thấp nhất các vụ án, nhất là án hình sự; không để xảy ra trọng án có vũ trang. Đảm bảo hàng năm đưa quân đều đạt chỉ tiêu, hạn chế tối đa tỷ lệ đào thải, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 2% dân số.

b) Các mũi đột phá:

** Thời kỳ 2001 - 2005:*

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Huyện Đảng bộ nhiệm kỳ 2001-2005 và thực hiện 9 chương trình và 7 đề án phát triển kinh tế- xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ X.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông đối nội và đối ngoại đủ sức cho các phương tiện vận tải hàng hóa có tải trọng lớn hoạt động, đầu tư hệ thống điện, cung cấp nước sạch, thực hiện quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp- TTCN, cụm kinh tế - xã hội. Tạo chuyển biến rõ về đô thị hoá.

- Đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp, đầu tư hình thành cụm công nghiệp - TTCN tại thị trấn Long Mỹ, lập quy hoạch và dự án 2 cụm công nghiệp -TTCN khác tại 2 thị trấn mới để sang thời kỳ 2006-2010 hình thành và đưa vào hoạt động. Phát triển công nghiệp- TTCN trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản và bảo quản sau thu hoạch với trình độ công nghệ tiên tiến, tạo sức cạnh tranh, mở rộng và ổn định thị trường tiêu thụ.

- Triển khai dự án phát triển du lịch sinh thái. Đầu tư nâng cấp và xây dựng trung tâm thương mại, các khu phố chợ, cơ sở dịch vụ, hệ thống nhà kho, bến bãi tại các cụm kinh tế - xã hội, thị trấn và hệ thống chợ cho khu vực nông thôn, khu vực đông dân cư. Tăng cường liên doanh, liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trong nước và xuất khẩu hàng hóa.

- Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã một cách vững chắc, xây dựng dần các mối liên kết đa thành phần trong tổ chức sản xuất- chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- Đầu tư thêm mạng lưới trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục; đầu tư trung tâm giáo dục thường xuyên kết hợp dạy nghề và hướng nghiệp, nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, đi đôi với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

** Thời kỳ 2006 - 2010:*

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp- TTCN, cụm kinh tế - xã hội. Mở rộng và nâng chất các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa có qui mô lớn.

- Tiếp tục quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, tiến tới điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa các lĩnh vực sản xuất nhằm "đi tắt, đón đầu" trong một số lĩnh vực.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, kinh tế trang trại, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế với chất lượng và hiệu quả hoạt động cao hơn.

- Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục nâng cao dân trí, chú trọng đào tạo lực lượng công nhân kỹ thuật, công nhân nông nghiệp, lực lượng cán bộ công chức, cán bộ quản lý kinh tế cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh, hiệu quả hoạt động cao hơn.

III- Định hướng phát triển các ngành kinh tế - xã hội:

1- Nông nghiệp - nông thôn:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp- nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với thị trường là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển chiều sâu, đa dạng, ứng dụng tốt các kỹ thuật canh tác, công nghệ mới, đẩy mạnh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp, khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, mặt nước, đặc biệt là đất viên lang, bãi bồi, đất kém hiệu quả, vườn tạp,... để vươn lên thành nông nghiệp sản xuất hàng hóa, có sức cạnh tranh ngày càng cao.

- Phát huy vai trò kinh tế hộ, đẩy mạnh phong trào nông dân sản xuất giỏi. Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác một cách vững chắc, có hiệu quả, tiến hành xây dựng hợp tác xã ở những nơi có điều kiện, khuyến khích kinh tế trang trại phát triển, chú trọng trang trại kinh doanh tổng hợp, thu hút nhiều lao động.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí của tỉnh. Đẩy mạnh đầu tư nâng chất và xây dựng mới cơ sở hạ tầng nông thôn tập trung vào hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn, điện khí hóa, chợ, trường, trạm, nhà ở, nước sạch. Giải quyết tốt hơn nữa các vấn đề xã hội.

- Phát triển nông nghiệp trên cơ sở môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện, kết hợp giữa phát triển nông nghiệp với từng bước xây dựng mô hình cụm, tuyến, khu dân cư sinh thái tại nông thôn.

** Các chỉ tiêu phát triển:*

- Giá trị sản xuất tăng bình quân 4-5%/ năm, trong đó trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 5-6%/ năm, thời kỳ 2006 - 2010 tăng 3-4 %/ năm.

- Nhịp độ tăng trưởng bình quân 6%/ năm, trong đó thời kỳ 2001 - 2005 tăng 7%, thời kỳ 2006 - 2010 tăng 5%/ năm.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, dịch vụ nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2005, tỷ trọng ngành trồng trọt còn 82,4%, các lĩnh vực khác chiếm 17,6% và năm 2010 tỷ trọng trồng trọt 77%, các lĩnh vực khác chiếm 23%.

- Đến năm 2005: 100% xã, hợp tác xã có trung cấp trồng trọt, chăn nuôi, trong đó có 30% xã có đại học ngành trồng trọt, chăn nuôi; 100% ấp có cán bộ khuyến nông hoặc kỹ thuật viên nông nghiệp. Đến năm 2010, 100% xã, hợp tác xã có đại học trồng trọt, chăn nuôi, kinh tế nông nghiệp và 3-4 trung cấp.

2- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp - TTCN trước tiên nhằm vào mục tiêu thúc đẩy tiến độ công nghiệp hóa nông nghiệp - nông thôn, gắn mục tiêu phát triển công nghiệp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và phát triển đô thị.

- Phát triển công nghiệp - TTCN với qui mô vừa và nhỏ, nhắm vào các lĩnh vực có yêu cầu thị trường và lợi thế so sánh, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí sửa chữa, bảo trì máy nông nghiệp, hàng nhựa gia dụng, bao bì, dệt may gia công, thủ công mỹ nghệ, đồ mộc vật dụng gia đình, khôi phục, phát triển một số ngành nghề truyền thống.

- Xúc tiến hình thành các cụm công nghiệp - TTCN tại thị trấn Long Mỹ và thị trấn Trà Lồng (2001- 2005) và theo tuyến Sông Cái - Xẻo Vẹt (2006- 2010).

** Chỉ tiêu phát triển:*

- Giá trị sản xuất năm 2005 đạt 246,18 tỷ đồng; năm 2010 đạt 680 tỷ đồng. Nhịp độ tăng bình quân 24-25%/ năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng 26 -27%/năm, thời kỳ 2006- 2010 tăng 22 - 23%/ năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2001 - 2010 là 26 - 27%/ năm, trong đó thời kỳ 2001- 2005 tăng 27- 28%/ năm, thời kỳ 2006- 2010 tăng 25- 26%/năm.

- Tạo bước chuyển dịch trong cơ cấu sản xuất công nghiệp-TTCN. Đến năm 2005, tỷ trọng công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm còn 82,5% và 78,4% vào năm 2010, nâng dần tỷ trọng các lĩnh vực sản xuất khác .

3- Các ngành dịch vụ:

- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong huyện có điều kiện thành lập các doanh nghiệp, các công ty kinh doanh thương mại, dịch vụ. Xúc tiến hợp tác, liên doanh, mời gọi các công ty xuất khẩu nông sản, sản xuất và xuất khẩu hàng tiêu dùng đến đặt văn phòng đại diện hoặc mở chi nhánh kinh doanh.

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của các trung tâm thương mại- dịch vụ hiện có gồm: mở rộng Trung tâm thương mại thị trấn Long Mỹ, mở rộng và phát triển thành trung tâm thương mại tại trung tâm các cụm xã Long Phú, Vĩnh Viễn, Vĩnh Thuận Đông. Xây dựng thêm cơ sở vật chất cho các cụm kinh tế - xã hội ở 4 xã: Long Bình, Long Phú, Xà Phiên, Vĩnh Viễn và 5 cụm thương mại - dịch vụ ở ấp Long Bình 1 (xã Long Phú), ấp Bình Hiếu (xã Long Bình), ngã tư Trục Thắng và Thanh Thủy (xã Vĩnh Viễn). Thực hiện sắp xếp, quy hoạch và phát triển theo quy hoạch các chợ, địa bàn kinh doanh thương mại, vật tư xây dựng, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản phẩm .

- Tăng cường năng lực sản xuất- kinh doanh, xuất khẩu trực tiếp, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 5-10 triệu USD năm 2005 và 30 triệu USD vào năm 2010.

- Phân đầu đến năm 2005, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 13-14%; khối lượng luân chuyển hành khách tăng bình quân 4-5%/ năm. Đến năm 2010, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 16-17%; khối lượng luân chuyển hành khách tăng bình quân 5-6%/ năm.

- Xây dựng các khu du lịch vườn ở các xã Long Bình, Long Trị, vườn cò ở Xà Phiên. Tiếp tục đầu tư mở rộng và hoàn chỉnh các hạng mục còn lại tại khu Đền thờ Bác Hồ tại xã Lương Tâm, Khu di tích chiến thắng 75 tiểu đoàn ngụy tại xã Vĩnh Viễn, căn cứ Tỉnh ủy, khu ủy tại ấp 10 xã Vĩnh Viễn, trùng tu khu chùa ở ấp 5 xã Xà Phiên của đồng bào Khmer (có trên 300 năm), tạo thành hệ thống du lịch liên hoàn gắn với đầu tư một số khu vui chơi, giải trí, thể dục- thể thao, tụ điểm văn hóa- văn nghệ nhưng vẫn giữ được sự tôn nghiêm cần thiết. Đầu tư hệ thống nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ, phương tiện đưa đón thể hiện được nếp sinh hoạt đặc trưng vùng nông thôn ĐBSCL.

4- Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Đầu tư kênh Nàng Mau II, cống Hậu Giang III, cống Giồng Cầm, cống Bàn Quì; nạo vét kinh đô, tu bổ đê ngăn mặn kết hợp với giao thông theo cao trình qui định; nạo vét kinh Long Mỹ I và kinh Long Mỹ II; xây dựng thêm 40 trạm bơm, chuyển các trạm bơm dầu thành trạm bơm điện; xây dựng hệ thống kênh cấp II kết hợp trục tưới, bao đê khép kín 20.000 ha lúa chất lượng cao, mía nguyên liệu 3.000 ha.

Kết hợp thủy lợi, nạo vét thông tuyến tạo thuận lợi cho vận tải hàng hóa.

Hệ thống kênh trục dọc gồm các tuyến: Sông Cái Lớn dài 65,5 km; kinh Nàng Mau dài 6 km; kênh Hậu Giang 3: rạch Nước Trong - Kênh xáng Lái Hiếu dài 42 Km; rạch Xẻo Chít - Ngang Dừa dài 32 km.

Hệ thống các kênh cắt ngang: Kênh Trục Thăng - sông Cái Lớn; Kênh Bàn Quỳ - Kênh 13 - sông Cái Lớn; Kênh Cái Rắn - Tràm Tróc - sông Cái lớn; tuyến Trà Ban Nhỏ - Hậu Giang 3 - sông Cái Lớn. Huyện, xã và nhân dân: tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống thủy nông nội đồng bảo đảm chủ động tưới tiêu nước theo yêu cầu cây trồng và nuôi thủy sản.

Nâng cấp Quốc lộ 61 đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng đi qua địa bàn huyện dài 4 Km; xây dựng lại cầu Long Mỹ II (cầu sắt hiện tại). Đường tỉnh 930: nâng cấp đoạn Thị trấn Long Mỹ - Vĩnh Viễn lên cấp IV đồng bằng; làm mới tuyến Vĩnh Viễn - ngã tư Thanh Thủy dài 10,5 Km đạt cấp V đồng bằng (thời kỳ 2001-2005). Đường tỉnh 931: Nâng cấp đoạn Long Mỹ đi Ngã Năm dài 9 Km, có 4 cầu, đạt cấp IV đồng bằng hoàn thành trước năm 2005, đến năm 2010 nâng cấp toàn tuyến lên cấp III đồng bằng. Hoàn chỉnh dự án cầu Long Mỹ I.

Nâng cấp các tuyến đường sau đây lên cấp V đồng bằng (2001-2005): tuyến Long Mỹ - Vĩnh Thuận Đông: dài 6,5Km; tuyến Long Mỹ - Long Trị dài 6,5Km; tuyến Long Mỹ - Long Phú dài 15 Km; tuyến Long Trị - Long Phú dài 8 km; tuyến Thuận Hưng - Xà Phiên - Lương Tâm dài 19,9 Km. Làm mới theo tiêu chuẩn cấp V đồng bằng các tuyến: đường Lương Tâm - Vĩnh Tuy dài 5 Km; đường Xẻo Vệt từ lộ Xà Phiên - Lương Tâm - sông Cái-Ngang Dừa dài 4 Km; làm mới nối dài đường Long Trị - Xẻo Xu 4 Km; làm mới nối dài đường từ UBND xã Xà Phiên - giáp Đường tỉnh 931 dài 7 Km; đường Vĩnh Thuận Đông - Vĩnh Chèo dài 4,8 Km; đường Vĩnh Chèo - Thị trấn Nàng Mau dài 6 Km. Nâng cấp và làm mới các tuyến sau đây đạt cấp VI đồng bằng: Mở rộng đường dọc theo kênh Trục Thăng từ ngã tư đến giáp sông Cái Lớn dài 2,5 Km; đường Vĩnh Viễn - Vĩnh Thuận Tây (cấp kênh 13) dài 2,5 Km; Vĩnh Thuận Đông qua Bến Ruộng giáp đường Vĩnh Chèo- thị trấn Nàng Mau. Đường Cách mạng tháng 8 bắt cầu qua sông Trà Ban(cầu Long Mỹ III); làm mới đường ấp 5 vào cụm công nghiệp; đường ấp 1 từ Vĩnh Rẫy đến cụm công nghiệp; nâng tải đường từ bến xe đến cầu Nước Đục.

Xây dựng đường dây 110 KV đi Cà Mau, từ trạm biến điện Vị Thủy đến Long Mỹ và đi Cà Mau, xây dựng thêm trạm biến điện 110KV/22 KV tại thị trấn Long Mỹ, đến năm 2010, Long Mỹ dùng phụ tải độc lập biến điện tại chỗ, trạm biến điện dự kiến có dung lượng 25 MVA.

Đến năm 2005 điện khí hóa thêm 3 xã, nâng tổng số được điện khí hóa 6/9 xã- thị trấn. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện 80-85%. Đến năm 2010 nâng tổng số lên 100% xã- thị trấn được điện khí hóa. Cơ bản hoàn thành mục tiêu các hộ dân đều sử dụng điện.

Nâng cấp nhà máy nước thị trấn có công suất 150 m³/h. Xây dựng trạm cấp nước tập trung 20 m³/h tại các xã Long Phú, Vĩnh Viễn, Xà Phiên, Long Trị, Long Bình, Lương Tâm. Trạm cấp nước 4-5 m³/h tại xã Vĩnh Thuận Đông, Thuận Hưng. Hệ nối mạng 4 m³/h: 80 hệ. Nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 80% tổng số hộ vào năm 2005 và nâng lên trên 95% hộ sử dụng nước sạch vào năm 2010.

5- Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ - môi trường:

- Tiếp tục điều chỉnh mạng lưới trường lớp phù hợp; đầu tư cơ sở vật chất trường học, thực hiện đa dạng hóa các loại hình giáo dục đào tạo nhằm đẩy nhanh việc nâng cao trình độ dân trí, tăng cường nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài; nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo nhằm giảm sự chênh lệch chất lượng giữa vùng thị trấn, thị tứ và nông thôn. Chú trọng giáo dục mầm non, tạo thuận lợi cho giáo dục phổ thông phát triển. Tiếp tục nâng cao hơn nữa tỷ lệ huy động học sinh đến trường, nhất là đối với bậc tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Thực hiện tốt việc phân luồng sau trung học cơ sở.

- Đẩy mạnh hợp tác nhằm tuyển chọn giống cây con thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất, chất lượng, giá trị nhân rộng ra. Tăng cường quản lý chất lượng giống trước khi đưa vào sản xuất, triển khai các biện pháp canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất trong bảo vệ, chăm sóc cây trồng - vật nuôi, sản xuất nông sản sạch, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản theo công nghệ tiên bộ. Đưa nhanh thành tựu khoa học, công nghệ vào thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, hướng dẫn nhân dân cách thức xử lý đơn giản chất thải rắn và lỏng tại hộ gia đình. Xây dựng nếp sống văn minh, tạo thành phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường rộng khắp.

- Quan tâm xử lý rác tại các chợ, nhất là chợ nông thôn; từng bước di dời các hộ cất nhà trên sông lên bờ, loại bỏ nhà vệ sinh và chuồng gia súc trên sông, kênh rạch.

6- Y tế, văn hóa, thể dục thể thao và xã hội:

- Nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình y tế quốc gia, đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở gắn với chương trình phát triển nông thôn và đô thị hóa. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực đội ngũ phục vụ trong ngành y tế để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và dự phòng.

- Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc, đạt mức sinh thay thế chậm nhất vào năm 2005; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1% vào năm 2005 và ở mức 0,85% vào năm 2010. Tỷ lệ dân cư thành thị tăng lên 18,10% dân số năm 2005 và 25,94% dân số năm 2010.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo nội dung Nghị quyết TW5 (khoá VIII), trọng tâm là phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa dân tộc và đặc điểm văn hóa sông nước miệt vườn của huyện vùng sâu; nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp, xã văn hóa, xây dựng dần nếp sống văn minh đô thị.

- Tăng cường giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng của địa phương. Đầu tư nâng cấp, hoàn chỉnh và phát huy các công trình văn hóa, di tích lịch sử: Đền Thờ Bác Hồ, khu di tích chiến thắng 75 tiêu đoàn nguy, khu căn cứ Tỉnh ủy, Khu ủy, nhà trưng bày, xây dựng một số bia cảm thụ, bia truyền thống, bia tưởng niệm kết hợp hài hòa với tạo cảnh quan sinh thái. Lập dự án xây dựng công viên có qui mô tương đối lớn khoảng 3-5 ha, đầu tư khu vui chơi giải trí tại điểm ấp 5 thị trấn trên đường về xã Thuận Hưng.

- Coi trọng xã hội hóa hoạt động thể dục - thể thao, phát triển rộng rãi phong trào thể dục - thể thao quần chúng, nâng cao hoạt động thể chất và tinh thần, đặc biệt chú trọng gây phong trào ở các cơ quan, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, trường học, lực lượng vũ trang, cụm dân cư, thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi. Ở mỗi xã có đội bóng đá, ấp có đội bóng chuyền, điền kinh, bơi lội tham gia thi đấu phong trào.

- Xúc tiến nhanh đầu tư cơ sở dạy nghề kết hợp với giáo dục hướng nghiệp tại huyện theo hướng đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, các nghề cần chú ý là may mặc, cơ khí, sử dụng máy nông nghiệp, kỹ thuật nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nấm ăn, chế biến và bảo quản nông thủy sản, xây dựng, sửa chữa điện, điện tử, tin học, ngoại ngữ,...; mở các lớp ngắn hạn chuyên ngành quản lý kinh tế, kế toán.

- Thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện, đa dạng hóa sản xuất cây trồng, vật nuôi, tăng hiệu quả sử dụng lao động nông nghiệp. Thực hiện chương trình khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm tại nông thôn. Giữ tỷ lệ lao động thất nghiệp ở đô thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn 4-4,5% vào năm 2010.

- Tạo môi trường thuận lợi để đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiến tới xóa đói giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo lồng ghép với các chương trình quốc gia khác trên địa bàn. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 4% vào năm 2010.

- Tiếp tục thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công với nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho mỗi người có ý thức trách nhiệm góp phần chăm lo, giúp đỡ, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân liệt sĩ già yếu cô đơn, đỡ đầu con liệt sĩ mồ côi.

7- Định hướng phát triển đô thị:

Thị trấn Long Mỹ, đô thị loại V, là huyện lỵ, trung tâm kinh tế, văn hóa-xã hội của huyện Long Mỹ. Qui mô dân số các năm 2005, 2010 là 16.220 và 25.000 người tương ứng với qui mô đất đai khoảng 200 ha vào năm 2010. Thị trấn Long Mỹ nằm ở tiểu vùng gồm 2 huyện Vị Thủy, Long Mỹ và thị xã Vị Thanh. Sự phát triển của thị xã Vị Thanh sẽ tác động nhất định đến thị trấn Long

Mỹ, song thị trấn Long Mỹ trong quá trình phát triển cũng có nhiều tính độc lập, có tác dụng thúc đẩy quá trình đô thị hóa của một tiểu vùng mà trước nay vẫn bị xem như là vùng sâu của tỉnh. Ở đây, động lực phát triển sẽ là các loại hình công nghiệp, thủ công nghiệp, gia công chế biến lương thực - thực phẩm và thương mại cùng các hoạt động dịch vụ khác.

Hướng phát triển của thị trấn chủ yếu ở phía Nam sông Cái Lớn và một phần hạn chế ở phía Bắc. Trung tâm sẽ nằm ở vị trí trung tâm hiện nay, bên cạnh sông Cái Lớn. Khu vực công nghiệp bố trí ở phía Tây Bắc cạnh sông Cái Lớn.

- Thành lập thị trấn Trà Lồng tách từ một phần diện tích của xã Long Phú: Diện tích tự nhiên 800-1.000 ha, qui mô 15.000 dân vào năm 2010

- Thị trấn Vĩnh Viễn: Tách từ một phần đất của xã Vĩnh Viễn: Diện tích tự nhiên 800-1000 ha, qui mô dân số khoảng 10.000 người vào năm 2010.

- Dự kiến sẽ tiếp tục chia 2 xã: Lương Tâm thành Lương Tâm và Lương Nghĩa, Thuận Hưng thành Thuận Hưng và Thuận Hòa. Như vậy đến năm 2010 dự kiến toàn huyện có 3 thị trấn, 10 đơn vị xã. Dự kiến trung tâm các xã mới thành lập sẽ được xây dựng tại các vị trí sau:

- Xã Vĩnh Viễn: Trụ sở tại Ngã tư Thanh Thủy.

- Xã Long Phú: Trụ sở tại ấp Long Bình 1, trên đường tỉnh 931.

- Xã Lương Tâm: Trụ sở tại khu vực Đền thờ Bác (xã Lương Tâm hiện tại sẽ là trụ sở UBND xã Lương Nghĩa).

- Xã Thuận Hòa: Trụ sở tại đầu vàm Cao Hột Lớn- kênh Trà Ban (đối diện trụ sở xã Long Phú mới).

- Nâng cấp, xây dựng từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng đối với các cụm kinh tế - xã hội Long Bình và Xà Phiền. Định hướng qui hoạch và công nhận trung tâm xã Lương Tâm là 1 cụm kinh tế - xã hội của huyện.

- Xúc tiến quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp- TTCN tại thị trấn Long Mỹ, thị trấn Trà Lồng thời kỳ 2001-2005; dọc theo tuyến sông Cái - Xẻo Vệt thời kỳ 2006-2010.

- Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh quốc gia, chủ động ngăn chặn, đập tan mọi hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, gây rối ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương.

III/- Các giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ có nhiệm vụ:

- Phối hợp với các Sở, ngành tỉnh liên quan nghiên cứu xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, lập quy hoạch chi tiết, xây dựng các chương trình mục tiêu phù hợp với Quy hoạch này. Phải kết hợp hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực trong huyện và sự hỗ trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài như huy động và thu hút vốn đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ...

- Nghiên cứu và kiến nghị với UBND tỉnh các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý và cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đầu tư.

- Đầu tư tập trung để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực, ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tạo động lực cho một số ngành chủ lực mà huyện có thế mạnh.

- Lập các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các dự án cụ thể để từng bước bố trí ưu tiên hợp lý tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch một cách chặt chẽ. Các sở, ngành tỉnh có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -

xã hội huyện với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật - xã hội, phù hợp với quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong quá trình thực hiện hàng năm, 5 năm, Chủ tịch UBND huyện Long Mỹ có trách nhiệm tổng kết báo cáo UBND tỉnh những vấn đề chưa hợp lý, những vấn đề mới phát sinh cũng như những trường hợp không còn phù hợp và đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và của tỉnh.

Công bố rộng rãi, nội dung, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội để các ngành, địa phương và nhân dân huyện Long Mỹ biết và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Long Mỹ có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UBND tỉnh cần Thơ
chủ tịch
Nguyễn Phong Quang